

Quyền bình đẳng bắt đầu từ quyền được hưởng giáo dục

Vũ Quang Việt¹

Bản Tuyên bố Chung về Quyền Con Người năm 1948 của Liên Hợp Quốc ở điều 26 cho rằng:

“Mọi người có quyền được hưởng giáo dục. Giáo dục phải miễn phí, ít nhất là ở bậc sơ yếu [hay tiểu học] hoặc cơ bản [hay hết trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông]. Giáo dục sơ yếu phải cưỡng bách. Giáo dục kỹ thuật và chuyên nghiệp phải được tổ chức để mọi người có thể thụ hưởng và giáo dục bậc cao [đại học, v.v.] phải làm sao để mọi người có quyền bình đẳng thụ hưởng dựa trên thành tích xứng đáng.”

Everyone has the right to education. Education shall be free, at least in the elementary and fundamental stages. Elementary education shall be compulsory. Technical and professional education shall be made generally available and higher education shall be equally accessible to all on the basis of merit.

(Article 26. Universal Declaration of Human Rights 1948)

Giáo dục cưỡng bách miễn phí đã được Liên Hợp Quốc coi là quyền căn bản của con người. Hiến pháp Việt Nam dù đã thay đổi nhiều lần, mới đây có giảm thiểu trách nhiệm của nhà nước, vẫn công nhận quyền trên:

- *Hiến Pháp Việt Nam Dân chủ Cộng hòa 1960, Điều 15 viết: “Nền sơ học [chắc là cho đến hết tiểu học] cưỡng bách và không học phí. Ở các trường sơ học địa phương, quốc dân thiểu số có quyền học bằng tiếng của mình. Học trò nghèo được Chính phủ giúp. Trường tư được mở tự do và phải dạy theo chương trình Nhà nước.”*
- *Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 1980, Điều 60 viết: “Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Nhà nước thực hiện từng bước chế độ giáo dục phổ thông bắt buộc, thực hiện chế độ học không phải trả tiền và chính sách cấp học bổng, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân học tập.”*
- *Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 1992, Điều 59 viết: “Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Bậc tiểu học là bắt buộc, không phải trả học phí.”*

Vấn đề không phải là bàn xem giáo dục cơ sở có nên miễn phí và cưỡng bách hay không mà là hiểu thế nào là quyền bình đẳng trong việc thụ hưởng giáo dục và thế nào là miễn phí. Mỹ là một trong hai nước đầu tiên trên thế giới thực hiện chính sách này, cho nên

¹ Cám ơn anh Ngô Thanh Nhân, Trần Hữu Quang và Trần Văn Thọ đã đọc và cho ý kiến sửa chữa.

việc tìm hiểu vấn đề ở đây nhất là phong trào bảo vệ quyền lợi này ở nước tư bản kiểu Mỹ cũng là bài học cho một nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tiến trình xác lập giáo dục miễn phí và cưỡng bách ở một nước Mỹ tư bản

Ở Mỹ có hai hệ thống Bộ Giáo dục độc lập nhau, một của liên bang và một ở mỗi tiểu bang, vì nước Mỹ là loại nước liên bang. Vai trò của Bộ Giáo dục chính quyền liên bang Mỹ rất hạn chế. Ngân sách của Bộ giáo dục liên bang hàng năm rất nhỏ so với tổng chi phí cho nền giáo dục Mỹ. Ngân sách liên bang vào năm 2007 chỉ cho giáo dục khoảng dưới 54,4 tỷ, chỉ bằng gần 5,4% tổng chi phí cho giáo dục mọi cấp là 1.000 tỷ USD. Trong chi phí này chỉ có 12% phải sử dụng theo luật định (mandatory), còn 88% được sử dụng tùy theo quyết định của chính phủ (discretionary). Tức là chi vì luật đòi hỏi rất ít, việc chi cho giáo dục của chính phủ Liên bang liên quan chủ yếu đến việc cho vay đi học, huấn nghệ sau trung học, chi liên quan đến việc giáo dục những người khuyết tật, và chi cho binh sĩ giải ngũ đi học đại học, v.v.

Hiến pháp Liên bang Mỹ không có điều khoản nào bảo đảm quyền được giáo dục phổ thông miễn phí. Chi phí cho giáo dục hoàn toàn tùy quyết định của chính quyền bang và địa phương. Hiện nay ở Mỹ, 90% học sinh phổ thông học ở trường công miễn phí. Trong 10% còn lại thì 78% là học ở trường tư thuộc Giáo hội Công giáo. Ngay cả ở cấp đại học, 77% sinh viên theo học tại các đại học công lập.² Nói tóm lại, trường tư không phải là giải pháp mà Mỹ chọn lựa để giải quyết vấn đề giáo dục. Chính phủ cũng không được phép trợ cấp các trường tư của công giáo hoặc của bất cứ tôn giáo nào vì làm thế là vi phạm Hiến pháp của một thể chế cộng hòa, một thể chế hoàn toàn dân sự không theo bất cứ một tôn giáo nào.³ Ít nhất ở Mỹ, học sinh nếu đã chọn đi học trường tôn giáo sẽ không được nhà nước trợ cấp dưới bất cứ hình thức nào vì như thế là gián tiếp cổ vũ cho tôn giáo đó. Nhưng hiện nay cũng có vài địa phương ở Mỹ sau khi bỏ phiếu trưng cầu dân ý đã cho phép chính quyền trả tiền cho học sinh đi học trường tư nếu gia đình học sinh chọn làm thế và tiền chi trả dựa vào chi phí bình quân cho một học sinh trường công.

Các bang ở Mỹ trong khoảng thời gian kéo dài 50 năm đã theo nhau thông qua luật cưỡng bách và miễn phí giáo dục ở cấp phổ thông, theo gương Massachusetts, bang cầm cờ tiên phong. Bang này ra luật cưỡng bách giáo dục vào năm 1852 (tức là gần 10 năm trước nội chiến và 76 năm sau độc lập).⁴ Đến năm 1890, đại đa số các bang có luật cưỡng

²Coi, Vũ Quang Việt, Giáo dục tư hay công nhìn từ góc độ lý thuyết kinh tế. *Thời Đại Mới*, tháng 3 năm 2008. http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai13/200813_VuQuangViet_4.htm

³ Dù nhà nước độc lập với tôn giáo, ở một số nước châu Âu như Thụy Điển, Hà Lan, Đức, Đan Mạch, Áo, Thụy Sĩ, v.v. chính phủ thu dùm “thuế tôn giáo” (church taxes) cho các tôn giáo thường là 1-2% thu nhập cá nhân và hưởng lệ phí thu nếu như cộng đồng bỏ phiếu ủng hộ việc làm này. Người dân có thể từ chối đóng thuế tôn giáo, đặc biệt là những người không thuộc tôn giáo nào. Coi: http://en.wikipedia.org/wiki/Church_tax.

⁴ Luật Bang Massachusetts đòi hỏi mỗi thị xã có một trường trung học (grammar school). Cha mẹ phải nộp phạt nếu không gửi con tới trường và chính quyền được quyền tước quyền cha mẹ, đưa cho người khác nuôi nếu thấy cha mẹ không đủ tư cách nuôi dạy được con cái. Coi: http://en.wikipedia.org/wiki/Compulsory_education

bách giáo dục. Bang cuối cùng là Alaska ra luật vào năm 1929.⁵ Cường bức giáo dục thường áp dụng từ lớp mẫu giáo cho đến lớp 12, nhưng có nơi chỉ đến lớp 9 (tức là hết trung học cơ sở, hay trước đây gọi là cấp I). Tuy nhiên toàn bộ giáo dục từ lớp 1 đến lớp 12 miễn phí, kể cả miễn phí sách vở.

Có nhiều lý do đưa ra giải thích tại sao luật cưỡng bách giáo dục ra đời ở Mỹ năm 1852, chỉ sau sự ra đời lần đầu tiên trên thế giới ở nước Phổ (Prussia) dưới tư cách giáo dục nhà nước phi tôn giáo năm 1763. Trong những lý do giải thích rõ ràng có lý do phát xuất từ quan điểm chính trị nhằm tạo dựng ra những công dân kiểu Mỹ và đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế trong thời công nghiệp hóa. Nước Phổ có quan điểm rất rõ ràng về mục đích của giáo dục: đó là đào tạo những công dân có trách nhiệm vì lợi ích của nước Phổ. Và chính Bang Massachusetts chủ động học hỏi đưa hệ thống giáo dục nước Phổ vào Mỹ.

Sheldon Richman theo trường phái của nhà kinh tế Milton Friedman cho rằng việc ép buộc dân chúng vào một nền giáo dục công lập và cưỡng bách là dựa trên tư tưởng muốn xoá bỏ quyền lựa chọn trường (tư hay công) của dân chúng, với mục đích đúc khuôn trẻ em theo mẫu hình lý tưởng mà nhà nước muốn, chứ không phải vì mục đích nâng trình độ giáo dục của nhân dân. Nhóm này cho rằng lúc thực hiện cưỡng bách ở bang Massachusetts năm 1852 thì 90% dân địa phương đã biết đọc biết viết, do đó dân chúng có thể tự lo, không cần đến giáo dục công. Chúng ta cũng có thể dễ dàng giải thích khác đi là trình độ chỉ biết đọc và biết viết, lúc mà hơn 70% dân Mỹ còn làm nông nghiệp, không thể đáp ứng với đòi hỏi của tiến trình công nghiệp hóa đang xảy ra. Chính chính sách cưỡng bách giáo dục phổ thông đã giúp nước Mỹ tiến nhanh. Thực tế, vào năm 1870, số học sinh trung học ở Mỹ chỉ bằng 0,2% dân số và chỉ bằng 2% dân số trong độ tuổi đi học trung học; số trường học công lúc đó chỉ là 500 với dân số 38 triệu. Do vai trò của chính quyền, số trường công năm 1910 lên trên 10.000 đào tạo 1,1 triệu học sinh trung học và 15% dân số trong độ tuổi đi học. Và mãi đến năm 1950 nước Mỹ mới bước qua thời kỳ mà việc đi học của đại đa số dân chúng chấm dứt sau khi hoàn thành cấp trung học phổ thông.⁶

Còn chủ trương dùng giáo dục nhằm giúp thanh thiếu niên có sức khỏe, biết đọc biết viết, biết suy luận, có nền tảng đạo đức và trách nhiệm xã hội là một đòi hỏi khách quan đối với sự tồn tại của bất cứ xã hội nào chia sẻ cùng một nền văn hóa, và có những mục đích chung. Sự khác biệt quan trọng không phải là nhiệm vụ giáo dục ý thức công dân mà là mục đích cơ bản của nền giáo dục: hoặc đào tạo những con người máy chỉ biết tuân thủ quyền lực (dù thế quyền hay thần quyền) hoặc thực hiện một nền giáo dục khai sáng, phát triển tự do tư duy, phân tích vấn đề theo chuẩn mực khoa học, phi thần học dù mang tính tôn giáo hoặc ý thức hệ. Phe Friedman đã đặt sai vấn đề.

Chính vì ý thức về vai trò của chính quyền, người lãnh đạo và người dân mà chủ trương giáo dục cưỡng bách ra đời ở phương Tây, bắt nguồn với chủ trương của triết gia Platon

⁵ Coi Carl F. Kaestle, *Pillars of the Republic: Common Schools and American Society 1780-1960*. 1983. New York: Hill and Wang. Cũng nên coi: <http://www.infoplease.com/ipa/A0112617.html>

⁶ Martin Trow, The second transformation of American Secondary Education, *International Journal of Comparative Sociology*, no. 2, 1961.

trong quyển *Republic* [*Luận về Cộng hoà*], ra đời khoảng 400 năm trước công nguyên, nhằm đào tạo những người lãnh đạo – triết gia có hiểu biết, biết suy luận để tìm chân lý, không có gia đình và tài sản riêng, chỉ biết phục vụ lợi ích công, và do đó có toàn quyền quyết định những vấn đề trong xã hội. Tất nhiên ngay ở thời đó, Aristotle đã nghĩ khác về giáo dục, cho rằng Platon là ảo tưởng. Aristotle chủ trương giáo dục phải nhằm tạo ra những người “dân chủ” biết bảo vệ chế độ dân chủ. Tư duy độc lập, tự do của thời Hy Lạp hay triết gia cùng thời ở Trung Quốc đã bị ý thức hệ tôn giáo hoặc quân thần của Khổng Tử khi đem ứng dụng đè bẹp cho đến thời phục hưng ở phương Tây và mãi mới đây ở Trung Quốc. Dù ở đâu, ý thức về giáo dục với mục đích xã hội luôn luôn tồn tại. Phong trào cải cách công giáo của Martin Luther năm 1524 cũng chủ trương cưỡng bách giáo dục, nhằm giúp người theo đạo biết sống đạo đức, để xây dựng xã hội tốt đẹp hơn, chẳng khác gì chủ trương bắt đi lính để bảo vệ đất nước.⁷

Ở Mỹ, chủ trương giáo dục cưỡng bách và miễn phí còn nảy sinh từ tư tưởng về thể chế cộng hòa, về bình đẳng, nhằm xây dựng một xã hội dân sự, dân chủ, để không bị vua chúa hoặc một nền thần học tôn giáo nào chế ngự. Nhóm Milton Friedman rất đơn giản khi phê phán nền giáo dục cưỡng bách và miễn phí ở Mỹ, cho rằng nó đã tước quyền tự do chọn lựa giáo dục tự và rằng giáo dục công chỉ nhằm tạo ra khuôn mẫu. Đây là tranh luận hoàn toàn mang tính ý thức hệ chống mọi sự can thiệp của nhà nước.

Thực tế ở Massachusetts nơi đầu tiên cưỡng bách giáo dục ở Mỹ cũng cho thấy người phát động chính sách này Horace Mann, Bộ trưởng giáo dục bang, chủ trương chống đem tôn giáo vào nhà trường, tức là tạo cho học sinh tư duy độc lập, khoa học. Horace Mann cũng chủ trương xây dựng một hệ thống giáo dục đồng nhất cho cả bang, thay vì từng khu vực giáo dục địa phương khác nhau, học sinh ở trình độ khác nhau học, và không khuyến khích lối học từ chương hoặc dùng roi vọt. Ông ta cũng chủ trương niên học dài hơn, thời gian học kéo dài đến 16 tuổi, với nhiều môn và sử dụng các trang thiết bị để dạy học.⁸

Tư tưởng bình đẳng cho mọi công dân, và nhà nước phải do dân và vì dân, là ý tưởng của những người lập quốc Mỹ, có lẽ cũng phản ánh nhu cầu tinh thần của nhiều người bỏ châu Âu đi tìm vùng đất mới.

Tuyên ngôn Độc Lập của Mỹ 1776 viết:

Chúng tôi cho rằng đây là sự thật hiển nhiên, rằng mọi người sinh ra bình đẳng, rằng họ được tạo hóa ban cho những quyền bất khả xâm phạm, trong đó quyền sống, tự do và mưu cầu hạnh phúc – và để đạt được những quyền này, con người lập ra chính quyền và chính quyền có quyền chỉ vì sự đồng ý trao quyền của những người bị cai quản – và khi nào bất cứ hình thức chính quyền nào trở nên nguy hại tới những mục đích trên, thì đó là quyền của nhân dân thay đổi hoặc xóa bỏ nó, và lập ra chính quyền mới, đặt nền móng trên những nguyên lý trên và tổ

⁷ Sheldon Richman, *Separating School & State: How To Liberate American Families*, chapter 3.

⁸ http://en.wikipedia.org/wiki/Horace_Mann

chức quyền lực với hình thức thế nào để có thể bảo đảm được an ninh và hạnh phúc của họ.

Dù bình đẳng là nguyên tắc cơ bản hình thành nước Mỹ nhưng đó chỉ là nguyên tắc. Nguyên tắc này đã được Hồ Chí Minh viết trong Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam, nhưng đó cũng chỉ là nguyên tắc. Ngay chữ “người” đã được hiểu khác nhau: chẳng hạn như ở Hy Lạp, “người” đã được hiểu là “người công dân” do đó nô lệ chỉ có quyền làm “người” nếu có đủ tiền mua lại quyền tự do, và quyền công dân của mình; còn ở Mỹ thời trước khi giải phóng nô lệ thì nô lệ gắn liền với da màu nên dù có tiền cũng không thể mua lại quyền làm “người” của mình được. Ngay cả ở nước ta hiện nay và đặc biệt là trước đây, rõ ràng, chỉ có thể là “người công dân” với một số quyền nhất định (chứ không phải tất cả, thí dụ như quyền bầu cử chứ không phải quyền ứng cử) ghi trong hiến pháp.

Việc biến nguyên tắc “mọi người sinh ra bình đẳng” thành hiện thực là cả một quá trình đấu tranh cam go của dân chúng. Bình đẳng ở bất cứ chế độ nào không bao giờ là món quà người nắm quyền, và thành phần ưu đãi ăn theo trong xã hội tặng không cho nhân dân.

Ở Mỹ, chính cuộc nội chiến kéo dài 5 năm 1861 đến 1865 mới đưa đến giải phóng nô lệ, nhưng dù nô lệ được giải phóng trên giấy tờ, chuyện tự do thực sự và bình đẳng trong xã hội và trước pháp luật vẫn còn xa vời. Người da đen sau nội chiến đã phải tranh đấu thêm suốt 100 năm để đạt được quyền bình đẳng trước pháp luật. Đạo luật về Quyền Công dân (Civil Rights Act) năm 1964 và tu chính năm 1972 và 1973 xóa bỏ mọi hành vi phân biệt đối xử về chủng tộc, sắc giới, tôn giáo, nguồn gốc dân tộc và khuyết tật trong mọi hoạt động ở nơi công cộng, trong tất cả các chương trình có tài trợ của chính phủ, trong việc tuyển dụng và thái hồi, huấn luyện, tăng lương, tăng chức cho lao động ở bất cứ đâu. Nó cũng tạo điều kiện để cá nhân nhằm bảo vệ quyền lợi của họ kiện nhà nước và các tổ chức kinh doanh, xã hội. Đạo luật trên cũng lập ra các ủy ban đặc biệt có nhiệm vụ theo dõi, điều tra, xem xét bảo vệ quyền công dân như Ủy ban giáo dục (Commission of Education), Ủy ban Quyền Công dân (Commission of Civil Rights), Ủy ban Bình đẳng Cơ hội trong Việc làm (Equal Employment Opportunity Commission). Ngoài ra đạo luật cũng xóa bỏ mọi thủ thuật tước quyền bỏ phiếu trực tiếp của người dân như đặt ra điều kiện để được bỏ phiếu là phải chứng tỏ biết đọc, biết viết và phải đóng thuế, hay lệ phí, bỏ phiếu (poll tax) mới có quyền bỏ phiếu. Đạo luật về Quyền Công dân cũng chỉ là cơ sở để nhân dân Mỹ sử dụng đòi hỏi và bảo vệ quyền lợi mình bởi vì ở đâu cũng vậy không một quyền lực nào lại không tìm cách lạm dụng quyền lực.

Bình đẳng là gì và nguyên lý kiến tạo bình đẳng

Vậy thì bình đẳng là gì? Đặc biệt là bình đẳng trong một chế độ cộng hoà dựa trên kinh tế thị trường tự do, lấy nhiệm vụ bảo vệ quyền tư hữu là nguyên tắc cơ bản.⁹ Xem xét ra thì thấy rất khó định nghĩa bình đẳng. Bình đẳng thường được hiểu dưới hai nghĩa: bình đẳng trước pháp luật và bình đẳng về cơ hội.

⁹ Thí dụ xử lý trộm cướp, cấm quốc hữu hóa nếu không được bồi thường theo giá thị trường và không có lý do chính đáng.

Bình đẳng trước pháp luật: Dễ hiểu nhất và gần như không tạo ra mâu thuẫn với các nguyên tắc khác là nguyên tắc “mọi người bình đẳng trước pháp luật”, theo nghĩa mọi người được pháp luật bảo vệ giống nhau, cũng như chịu xử lý bằng cùng một thứ luật, theo cùng một cách thức giống nhau, bất chấp màu da, giới tính, địa vị kinh tế và quyền lực chính trị mà xã hội giao cho.

Bình đẳng về cơ hội: Vấn đề thứ hai, “bình đẳng về cơ hội” phức tạp hơn vì nó có thể mâu thuẫn với những nguyên tắc khác, do đó không thể đưa vào thực tế cụ thể nếu không có sự đồng thuận xã hội về những nguyên tắc cụ thể nhằm xác lập sự bình đẳng tối thiểu nào đó. Một thí dụ cụ thể là hệ thống tuyển chọn dựa vào việc thi tuyển khả năng tương là bình đẳng nhưng thực tế có thể là không, vì dù mọi người đều có quyền (tức là có “cơ hội”) dự thi, những đứa trẻ sinh ra ở trong gia đình giàu có có lợi thế về cơ hội hơn như được học thêm, được nhiều cơ hội học hỏi kinh qua kinh nghiệm (như du lịch, v.v.) mà những đứa trẻ nhà nghèo không thể có được. Quyền tham gia chưa phải là bình đẳng về cơ hội vì nó đã ngầm giả định một điều phi thực tế là mọi đứa trẻ đều thông minh như nhau và về thể xác khỏe mạnh như nhau, và gia đình có tài sản tương đương. Đối với một người nghèo đói, một đứa trẻ nghèo đói thiếu đói thì quyền bình đẳng về tự do trong ứng cử, bầu cử, phát biểu, nộp đơn thi tuyển chẳng có nghĩa lý gì. Muốn hoàn toàn bình đẳng về cơ hội, **điểm khởi đầu về tài sản cho từng con người sinh ra trên thế gian phải bằng nhau hay nói một cách khác, phải bình đẳng.** Tài sản này có thể là tự nhiên ban cho hay gây ra, hoặc cha mẹ để lại. Chỉ khi những tài sản ban đầu giống nhau thì cơ hội mới giống nhau, nếu như xã hội không tạo thêm những rào cản phân biệt đối xử khác. Mọi người như thế sẽ có cùng cơ hội, và sự thành công hay thất bại sẽ chỉ tùy thuộc vào sự cố gắng bản thân (và tất nhiên không thể loại trừ may mắn).

Những cuộc tranh luận lớn cho đến tận ngày nay liên quan đến sự bình đẳng về cơ hội. Hay nói rõ hơn, liên quan đến nguyên tắc và biện pháp để tạo ra sự bình đẳng về cơ hội ở những phạm vi có thể thực hiện được và làm giảm những bất bình đẳng về cơ hội. Và nơi có nhiệm vụ thực hiện nó chính là chính quyền.

Con người bỏ sự tự chủ của mình, và chấp nhận sống dưới một thể chế chính quyền, theo Thomas Hobbes (1651), là để có được an ninh và sự bảo vệ của luật pháp. Còn John Locke (1689) thì cho rằng nhiệm vụ của chính quyền, ngoài những nhiệm vụ bảo vệ an ninh, không để người này giết người kia hay trộm cắp lẫn nhau, là nhằm bảo vệ tư sản, nền tảng của một nền kinh tế thị trường, mà Locke cho rằng là từ lao động chân chính mà ra. Hobbes đi xa hơn trong *Leviathan* (1651), tác phẩm đặt nền móng cho triết lý chính trị ở phương tây, cho rằng chính an ninh và trật tự xã hội sẽ đảo lộn nếu như xã hội quá mất bình đẳng, ý thức về một xã hội hòa hợp sẽ không còn, sự tức giận sẽ đẩy người nghèo nổi giận, làm loạn, truất hũu người giàu.¹⁰

Chính vì để tránh tai hại của sự mất bình đẳng quá đáng trong xã hội mà chủ nghĩa vị lợi (utilitarianism) của John Stuart Mills (1861), tiếp nối quan điểm của Hobbes, cho rằng việc phân bổ lại lợi tức xã hội là cần thiết; nó sẽ làm tăng lợi ích (utility) của cả xã hội tăng lên vì rằng lấy đi một đồng của người giàu sẽ làm giảm lợi ích ít hơn là lợi ích tăng

¹⁰ Thomas Hobbes (1651), *Leviathan*, chapter 30, Cambridge University Press, 1996.

lên khi đưa đồng đô cho người nghèo. Những chủ trương trên cho ta thấy khá rõ là các giải pháp được bàn đến đã có sự mâu thuẫn giữa nguyên lý bình đẳng và nguyên lý tôn trọng và bảo vệ tư sản. Chấp nhận hay không chấp nhận quan điểm của Hobbes và Mills trong một xã hội nào đó đòi hỏi sự đồng thuận của chính xã hội đó. Những người chủ trương phân chia lại lợi tức thường được coi là có khuynh hướng xã hội và thường bị phe chủ trương thị trường tự do toàn triệt chống lại.

Tất nhiên chỉ có thể hòa giải mâu thuẫn giữa hai nguyên lý bảo đảm tư sản và giảm tình trạng mất bình đẳng nói đến ở trên nếu ta chấp nhận nguyên tắc tối ưu mà nhà kinh tế Vilfredo Pareto (1848-1923) đưa ra. Nguyên tắc tối ưu Pareto là không thể tăng lợi ích của một thành viên nào trong xã hội mà không giảm lợi ích của người khác. Như vậy việc phân phối lại chỉ có thể bảo đảm tính tối ưu nếu lợi ích của ít nhất một thành viên trong xã hội tăng lên mà không làm giảm lợi ích của bất cứ ai khác trong xã hội. Vì vậy, nếu theo nguyên tắc Pareto thì những người bị mất mát trong việc phân phối lại phải được đền bù. Nguyên tắc tối ưu trong phân phối lại của Pareto áp dụng trong một thế giới tĩnh, nói về phân chia một cái bánh có sẵn, cùng lắm chỉ là nguyên tắc dùng trong phân tích kinh tế nhưng thực tế khó lòng đem ứng dụng vào trong việc phân phối lại. Tuy nhiên, nguyên tắc tối ưu Pareto hoàn toàn hiện thực nếu áp dụng vào thế giới động, với mục đích phát triển là làm cho chiếc bánh lớn lên, tức là áp dụng vào các chương trình phát triển kinh tế, trên cơ sở chính sách của nhà nước tập trung ưu tiên phát triển phục vụ dân nghèo hoặc các vùng nghèo trong một nước. Tập trung ưu tiên phát triển thành phố Hà Nội hay thành phố Hồ Chí Minh là hai tỉnh giàu nhất nước là một hành động có thể nói là chính sách vì lợi ích của người giàu chứ không vì tăng cường bình đẳng xã hội. John Rawls chính là người đã phát huy các nguyên tắc về công lý, bình đẳng trong một thế giới phức tạp và sống động hơn. Chỉ bình đẳng về cơ hội tự do không đủ, Rawls đưa đến nguyên tắc thứ hai đòi hỏi bình đẳng về cơ hội đi liền với nguyên tắc khác biệt (difference principle), bảo đảm rằng những người có những lợi thế tương đương phải đối mặt với những cơ hội tương đương trong đời sống, và do đó “bất bình đẳng” nếu hiện diện là nhằm mục đích đem lại lợi ích lớn nhất cho những người thiệt thòi nhất.¹¹

Cho tới nay, quan điểm của Hobbes đã có ảnh hưởng sâu rộng đến sự vận hành của hầu hết chính quyền các nước phương tây, qua việc áp dụng nhiều biện pháp nhằm xác lập lại sự quân bình về tài sản và cơ hội trong xã hội. Nhiều thí dụ có thể kể ra như thuế lũy tiến (người có thu nhập cao đóng thuế theo tỷ lệ phần trăm cao hơn người có thu nhập thấp), thuế thừa kế tài sản (tức là thu nhập bị đánh thuế hai lần, lúc thu nhập xảy ra và lúc tài sản chuyển giao cho người thừa kế), chính sách trợ cấp xã hội cho người nghèo, trợ cấp thất nghiệp cho người mất việc, trợ cấp cho trẻ em nếu như cha mẹ không đủ thu nhập, đặc biệt là đối với gia đình một mẹ một con (trợ cấp đủ để người mẹ ở nhà nuôi con), hoặc đủ để người mẹ gửi con để có thể đi làm. Còn Marx thì theo một con đường khác, tiên đoán sự tụt yếu của một xã hội không giai cấp, và cũng chủ trương đẩy mạnh tiến trình tụt yếu đó bằng một cuộc cách mạng nhằm xóa bỏ giai cấp tư sản, cơ sở của sự bất bình đẳng trong xã hội. Tuy nhiên, trong các nước xã hội chủ nghĩa hiện thực, thì thật sự

¹¹ John Rawls, A Theory of Justice, Harvard University Press, revised edition, 1999, Chương II.

chỉ có sự bất bình đẳng kiểu này được thay thế bằng sự bất bình đẳng kiểu khác. Đó là chưa kể đến những tiêu cực khác mà nó gây ra.¹²

Triển khai những giải pháp làm giảm sự bất bình đẳng

Nhiều giải pháp đã được áp dụng như đã nói ở trên trong nhiều xã hội tư sản nhằm giảm sự mất bình đẳng trong xã hội. Ở dưới đây chỉ phát triển những vấn đề liên quan đến việc nâng cao bình đẳng xã hội thông qua giáo dục. Và đây là điều quan trọng nhất trong xã hội, bởi vì tri thức chính là vốn con người (human capital) quan trọng nhất và vốn con người này được bồi đắp hữu hiệu nhất thông qua đầu tư của cá nhân và đặc biệt của xã hội vào giáo dục.

Chính sách nhà nước cưỡng bách giáo dục phổ thông và chi trả cho nền giáo dục cưỡng bách này chính là nhằm bảo đảm cho mọi trẻ em trong xã hội có điểm xuất phát ban đầu tương đối giống nhau, giảm thiểu sự bất bình đẳng mà trẻ em phải hứng chịu nếu sinh trong một gia đình nghèo hay một gia đình mà cha mẹ vô trách nhiệm. Và chủ trương này chính là vì lợi ích chung của xã hội, bao gồm cả mục đích xây dựng những công dân theo mẫu hình mà nhà nước muốn. Mục đích chung theo nghĩa phát huy ngoại tác thuận nếu như nhà nước chi trả sẽ không nhắc lại ở đây vì đã được phát triển kỹ trong một bài khác.¹³

Chủ trương nhà nước lãnh trách nhiệm chi trả cho giáo dục phổ thông không còn là vấn đề thảo luận, có chăng là sự khác biệt về cách xác định mức độ phổ thông (bao gồm cả trung học hay chỉ tiểu học là tùy thuộc vào khả năng kinh tế của từng quốc gia) và quyền cung cấp dịch vụ giáo dục phổ thông (do trường công nhà nước tổ chức hay do các trường tư nhân vì lợi nhuận đang được thí nghiệm ở Mỹ và Thụy Điển).

Cũng chính vì lợi ích của giáo dục đối với sự ổn định và phát triển của xã hội mà ngay cả ở cấp cao đẳng hay đại học, hầu như mọi chính phủ đều có tổ chức đại học miễn phí, hay lấy học phí thấp hơn chi phí, kể cả trợ cấp cho đại học tư, đặc biệt là phát triển các đại học tư vô vị lợi. Chính sách này bắt nguồn từ nhận định là lợi ích của giáo dục ở bất cứ cấp nào cũng có tác dụng ngoại vi thuận đối với toàn xã hội. Ta có thể thấy những đóng góp lý thuyết của Einstein có ảnh hưởng rất lớn lao đến với sự phát triển của xã hội, nhưng theo nguyên tắc luật quốc tế về bằng sáng chế không thể lấy bằng sáng chế. Ngay sự phát minh internet bắt nguồn từ ARPANET của ba nhà khoa học J. C. R. Licklider, Lawrence Roberts và Paul Baran đã tạo ra sự phát triển về công nghệ thông tin thần kỳ, cũng là “cửa chùa” mà mọi người có thể sử dụng vì nó là phát minh ở đại học với sự tài trợ của nhà nước Mỹ. Bảo vệ sở hữu trí tuệ là nhằm giúp bảo đảm trong một thời gian nhất định thu nhập từ sáng kiến để các tác gia công trình có động lực tiếp tục phát minh hữu dụng. Nhưng rõ ràng nếu mọi tri thức chỉ vì lợi nhuận và được bảo vệ tới tận cùng thì sự phát triển coi như chấm dứt. Nhiệm vụ của nhà nước là tạo cơ hội phổ biến tri thức đến từng người dân, chứ không phải chỉ tạo mọi cơ hội cho việc làm ra lợi nhuận. Nếu

¹² Coi thêm Vũ Quang Việt, Vấn đề bóc lột lao động nhìn từ lý thuyết thặng dư của Marx và kinh tế hiện đại, *Thời Đại Mới*, số 7, 2006.

¹³ Vũ Quang Việt, Giáo dục tư hay công nhìn từ góc độ lý thuyết kinh tế, *Thời Đại Mới*, số 13, năm 2008.

chỉ vì lợi nhuận, ta đã không có tri thức xuất phát từ đại học. Điều này có thể dễ nhận thấy là cho đến nay, ta chưa thấy có một đại học vì lợi nhuận nào tạo được uy tín về giáo dục trên thế giới, dù rằng mọi người đều có thể dễ dàng đồng ý với nhau rằng quyền xây dựng một đại học vì lợi nhuận ở một nền kinh tế thị trường là điều đương nhiên. Người ta thấy thật là lạ lùng khi một nhà nước xã hội chủ nghĩa như Việt Nam lại chủ trương lấy thu bù chi trong giáo dục. Và giáo dục đại học miễn phí hoặc được nhà nước tài trợ một phần cũng là biện pháp tạo cơ hội cho những gia đình nghèo có thể cho con đi học, tức là giảm thiểu tình trạng mất bình đẳng trong xã hội.

Chính vì sự bình đẳng trong xã hội mà hiện nay ta thấy nhiều vấn đề được đặt ra dường như vô lý nếu chỉ xét trên khía cạnh kinh tế cục bộ. Thí dụ ở các nước có khả năng, luật pháp đòi hỏi việc thiết kế xe buýt, xây dựng cầu thang máy để người khuyết tật cũng có cơ hội bình đẳng dùng xe như người không khuyết tật. Chi phí rất lớn, nhưng chỉ để vài người dùng. Đó là vì sự bình đẳng.

Về mặt giáo dục, để bảo đảm trẻ em không có bố mẹ hoặc chỉ có mẹ, không thể đi làm kiếm thu nhập vì phải coi con, có cơ hội bình đẳng với trẻ em khác, nhiều nhà nước đã trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em, kể cả người mẹ để hoặc ở nhà, hoặc đủ tiền gửi con đi làm.

Cũng chính vì sự bình đẳng mà luật pháp các bang ở Mỹ đòi hỏi chính quyền bang trợ cấp thêm tiền cho các trường ở những khu nghèo đạt mức chi phí tối thiểu bình quân một học sinh, khi mà chính quyền khu vực không thu đủ thuế cho giáo dục.

Nguyên tắc bảo vệ quyền bình đẳng được thể hiện cả ở những chi tiết mà ta tưởng như vô lý. Thí dụ ở thành phố New York, có một số trường trung học phổ thông (cấp II) tuyển chọn dành cho học sinh giỏi mà mọi học sinh có quyền được dự thi (nếu đạt được mức độ tối thiểu ở trường cấp dưới). Ở những trường này, chi phí bình quân một học sinh trường nhận được từ nhà nước cũng không thể hơn các trường khác vì hành động của nhà nước phải áp dụng bình đẳng với mọi công dân. Hội phụ huynh có thể tự nguyện đóng góp thêm chi phí cho các hoạt động ngoại khóa, nhưng không thể dùng tiền đó tăng lương giáo viên.

Khi phân tích những gì đang được thực hiện hoặc dự kiến sẽ mở rộng việc thực hiện ở Việt Nam ta mới thấy bình đẳng đã không phải nguyên tắc được sử dụng để hình thành chính sách. Chẳng hạn mô hình trường "chất lượng cao" hay trường "công lập tự chủ tài chính" đang được thử nghiệm vài năm gần đây ở TPHCM. Mô hình này cho phép địa phương lập ra các trường công thu học phí đặc biệt cao để trường có thể trả lương cao nhằm thu hút thầy giỏi và để học sinh có nhiều phương tiện học tập, rõ ràng vi phạm trách nhiệm của nhà nước trong việc đối xử bình đẳng với mọi công dân, vì với hành động trên, nhà nước đã bù lỗ cho những hoạt động thật sự là tư nhân hay nói khác đi nhà nước lấy công quỹ xây dựng trường chỉ nhằm phục vụ nhà giàu, những người có tiền cho con đi học những trường đặc biệt như vậy. Các loại trường "công lập tự chủ tài chính" rõ

ràng là các trường công dành cho con nhà giàu mà con cái nhà nghèo không có hy vọng bén mảng tới vì không đủ tiền trả.¹⁴

Việc thu học phí các vùng khác nhau chỉ có thể coi là bình đẳng nếu phí thu tương đồng về sức mua của từng vùng, hay tính đúng theo mức cao thấp của thu nhập thực tế của từng người dân (như việc đóng thuế lũy tiến), nhưng điều này lại không thể dễ dàng thực hiện. Biện pháp thu đại trà ở một địa phương trung bình giàu nhiều hơn một địa phương trung bình nghèo rõ ràng là vi phạm nguyên tắc bình đẳng vì một người nghèo ở khu vực giàu có thể còn nghèo hơn một người nghèo ở khu vực nghèo, nhưng họ phải đóng góp nhiều hơn. Vì nguyên tắc bình đẳng không được xem xét, ta mới thấy trường tre lá ở vùng nghèo và không thấy trường tre lá ở Thành phố Hồ Chí Minh hay Hà Nội. Cũng vì thiếu bình đẳng mà trẻ em những vùng nghèo, không có trường gần, phải học nội trú, gia đình phải tự trang trải mà không được sự giúp đỡ nào từ phía chính quyền. Trong những trường hợp này, cha mẹ quá nghèo sẽ không có lý do cho con đi học.

Điều tra của Trần Hữu Quang cho thấy một học sinh phổ thông thuộc nhóm dân cư có thu nhập nghèo nhất được gia đình chi phí cho giáo dục trong một năm là 380 ngàn đồng, còn nơi nhóm dân cư có thu nhập cao thì được chi tới 2,45 triệu đồng, gấp hơn 6 lần nhóm nghèo.¹⁵ Chính sách trả lương giáo sư hiện nay cũng thiếu bình đẳng, vì ngoài lương chính thức do ngân sách cấp, lại còn có lương dựa vào phụ thu, cũng do nhà nước cho phép, nhưng mức độ phụ thu (có nơi gấp hai lần học phí như ở Trà Vinh) lại tùy thuộc trường khu nhà nghèo hay trường khu nhà giàu, chứ không liên quan đến sức lao động hoặc khả năng chuyên môn của giáo chức.¹⁶

Luật pháp các bang ở Mỹ chẳng hạn ngoài việc miễn học phí, còn miễn chi phí cho sách vở và phương tiện tới trường; còn đối với trẻ em nhà nghèo, luật pháp cũng bảo đảm trợ cấp để cha mẹ hay người bảo dưỡng học sinh có đủ tiền chi phí cho nhà ở, ăn uống, quần áo, v.v. nếu không thì tính cưỡng bách bị mất tác dụng. Nhiều trẻ em Việt Nam ở tuổi 16-17, không cha không mẹ khi chạy sang Mỹ, đã được trợ cấp đủ để có tiền ăn ở để đi học.

Nói thế, không có nghĩa là bao giờ cũng cần phải tôn trọng nguyên tắc bình đẳng; thực tế các biện pháp bất bình đẳng đã được thực hiện, một cách có ý thức, nhằm sửa sai lại những bất bình đẳng đã xảy ra trong quá khứ.

Luật GI bill 1944 ở Mỹ áp dụng từ Thế chiến thứ hai, đối xử đặc biệt với quân nhân giải ngũ; họ được cấp học bổng cho học đại học. Luật này đã cho phép 8 triệu người học xong đại học sau Thế chiến thứ hai. Ở Việt Nam, quân nhân giải ngũ cũng được ưu tiên trong giáo dục.

Quan trọng hơn là việc áp dụng *Hành động khẳng định* (affirmative action), một chính sách ở Mỹ nhằm tăng cường bình đẳng giới tính và màu da trong giáo dục và thị trường lao động. Thí dụ cả trường đại học công và tư ở Mỹ đều ưu tiên nhận học sinh thiểu số

¹⁴ Trần Hữu Quang, Từ gia đình đến nhà giáo: Những vấn đề kinh tế-xã hội trong nền giáo dục phổ thông, trang 112-113.

¹⁵ Trần Hữu Quang, nt, trang 109.

¹⁶ Coi Trần Hữu Quang, nt, trang 99.

(chủ yếu là da đen và người da đỏ Mỹ đã và đã từng bị đàn áp và phân biệt đối xử) kể cả việc đặt ra chỉ tiêu (quota) để thực hiện. Việc tuyển lao động cho cơ quan công quyền cũng dựa vào chính sách ưu tiên cho người thiểu số và phụ nữ, kể cả ở vai trò lãnh đạo. Chính sách tương tự ưu tiên người thiểu số cũng được áp dụng ở Việt Nam. Ở Mã Lai, người đa số gốc Mã được bảo vệ vị trí qua hình thức chỉ tiêu vì vị trí kinh tế thua thiệt so với người gốc Hoa. Tất nhiên, những chính sách như vậy lại phân biệt đối xử với những người không được đưa vào diện ưu tiên và do đó thời hiệu của *Hành động khẳng định* không thể kéo dài mãi mãi. Nghị quyết 209 đã được dân California thông qua trong cuộc trưng cầu dân ý ở bang năm 1998, xóa bỏ chính sách ưu tiên nhận học sinh thiểu số vào Đại học California.

Đồng thời việc trả lương cao hơn hẳn cho giáo viên ở những vùng khó khăn nhằm mục đích khuyến khích giáo viên giỏi đi dạy những vùng xa.

Đã đến lúc bình đẳng không chỉ là khẩu hiệu mà phải là thực chất của một chế độ tự coi mình là xã hội chủ nghĩa. “Xã hội hóa” đang là khẩu hiệu để bắt mọi người đóng tiền cho mọi dịch vụ công với nguyên tắc “lấy thu bù chi”, mà không phân tích trách nhiệm cung ứng dịch vụ công đó có phải là trách nhiệm của nhà nước không và tại sao lại là trách nhiệm của nhà nước. Nó làm tăng thêm sự mất bình đẳng trong xã hội. Nó đang biến thành khẩu hiệu cho tư nhân hóa; mà còn tệ hơn thế, nó lấy của công phục vụ lợi ích của thiểu số người giàu, người có quyền thế như trong giáo dục hiện nay. Và không phải chỉ với vấn đề giáo dục, nhiều khía cạnh khác trong xã hội Việt Nam hiện nay cũng cần nghiêm chỉnh xét lại vì luật pháp hiện nay phân biệt đối xử đối với những người không thuộc thành phần chính trị được ưu đãi. Quá trình xét lại sẽ góp phần phát triển xã hội trong ổn định nếu được giải quyết thông qua việc xem xét lại luật pháp và chính sách nhà nước trên cơ sở của Hiến pháp. Và việc xem xét chỉ hữu hiệu nếu nó đặt cơ sở trên quyền của người dân được mang ra kiện chính phủ, quốc hội, nơi ban hành những luật lệ, chính sách hoặc thực hiện các hành động cụ thể đưa đến bất bình đẳng trong xã hội. Việt Nam cần một tòa án Hiến pháp độc lập.